

## Phát Triển Thư Viện Tại Việt Nam Cộng Hòa Trước 1975

**Lâm Vĩnh Thế**  
**Librarian Emeritus**  
**University of Saskatchewan**  
**CANADA**  
**Cựu Chủ Tịch**  
**Hội Thư Viện Việt Nam**  
**(1974-1975)**

Bài viết này cố gắng ghi lại những bước phát triển thư viện tại Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) trước năm 1975. Bài viết này phần lớn dựa vào ký ức của người viết vì tài liệu chính thức cũng như các thống kê về thư viện của VNCH hiện nay phần lớn không còn tìm thấy nữa. Rất may là phần lớn những số báo của *Thư Viện Tập San*, cơ quan ngôn luận chính thức của Hội Thư Viện Việt Nam của VNCH, xuất bản trước ngày 30-4-1975, vẫn còn giữ được nên người viết cũng nắm được một số dữ kiện và số liệu về tình trạng thư viện tại VNCH. Người viết rất mong được độc giả bổ túc những thiếu sót cũng như giúp đính chính những lầm lẫn.

### 1. Giai Đoạn Trước 1967

Trước năm 1967, hệ thống thư viện của VNCH tương đối yếu kém về mọi mặt, từ số lượng thư viện, cơ sở vật chất và sưu tập cho đến nhân viên chuyên môn. Tờ báo *Thư Viện Tập San*, số Đặc Biệt năm 1960, chỉ liệt kê được tất cả là 30 thư viện công và tư trên toàn quốc (25 thư viện tại Nam Phần, và 5 thư viện tại Trung Phần), chia ra như sau:

thư viện công cộng:	4
thư viện đại học:	6
thư viện chuyên môn:	5
thư viện chính phủ:	5
thư viện tư:	2
thư viện ngoại quốc:	8

Đặc tính rõ nét của giai đoạn này là việc phát triển hoàn toàn không theo một kế hoạch nào cả. Lý do chính là thiếu lãnh đạo; trong cả hai lãnh vực công và tư mà đại diện là Thư Viện Quốc Gia và Hội Thư Viện Việt Nam (HTVVN) đều không có một chính sách cho việc phát triển thư viện của VNCH.

Hệ thống thư viện công cộng (public libraries) gần như không có tại Miền Nam. Ngoài Thư Viện Quốc Gia ở số 34 đường Gia Long (gồm khoảng 70.000 cuốn sách và 620 nhan đề tạp chí) và Tổng Thư Viện trong khu vực trường Trung Học Pétrus Trương Vĩnh Ký (đây là Thư Viện Đông Dương từ Hà Nội dọn vào trong cuộc di cư năm 1954 sau Hiệp Định Genève; sưu tập gồm khoảng 3.000 cuốn sách và 110 nhan đề tạp chí) tại thủ đô Sài Gòn tương đối có bề thế, tại các tỉnh và thị xã các thư viện công cộng rất nghèo nàn, phần đông chỉ đóng vai trò một phòng thông tin hay phòng đọc sách với một số lượng sách báo không đáng kể.

Riêng trong khối thư viện công cộng tại Sài Gòn thì cần phải kể đến ba thư viện nước ngoài có tầm vóc sau đây:

\* Thư Viện Abraham Lincoln (đặt theo tên vị Tổng Thống Hoa Kỳ trong thời Nội Chiến) trực thuộc Cơ Quan Thông Tin (USIS - United States Information Service) của chính phủ Hoa Kỳ; thư viện này lúc đầu tọa lạc tại trung tâm thành phố Sài Gòn, bên cạnh rạp chiếu bóng Rex, trước Tòa Đô Chánh; sau dời về số 8 đường Lê Quý Đôn, và

sau cùng dọn về bên trong trụ sở của Hội Việt Mỹ, ở số 55 đường Mạc Đĩnh Chi, thuộc Quận I; thư viện này có sưu tập vào khoảng 10.000 quyển sách và 210 nhan đề tạp chí Anh ngữ, ngoài ra thư viện này cũng có một số sách Pháp và Việt ngữ.

\* Thư Viện của Phái Bộ Văn Hóa Pháp, bên cạnh nhà thương Đồn Đất, số 31 đường Đồn Đất, với khoảng 20.000 sách và tạp chí đủ các loại Pháp ngữ.

\* Thư Viện của Hội Đồng Minh Pháp Văn (Alliance Française) tọa lạc tại số 22 đường Gia Long, gần góc đường Tự Do.

Ba thư viện này có cơ sở vật chất rất tốt, với phòng đọc khang trang và trang bị máy điều hòa không khí với một bộ sưu tập khá phong phú nên rất được thành phần sinh viên học sinh ưa chuộng.

Trong khi khối thư viện công cộng rất ẻo lả thì hệ thống thư viện chuyên ngành (special libraries) tương đối khá hơn, trong số này phần lớn là các thư viện chính phủ (government libraries) và thư viện của các cơ quan nghiên cứu (research libraries). Gần như mỗi Bộ của chính phủ đều có một thư viện, đáng kể nhất là Thư viện của Bộ Thông Tin ở đường Phan Đình Phùng. Về cơ quan nghiên cứu thì phải kể đến: 1) Thư viện của Viện Khảo Cổ, ở số 7 đường Nguyễn Bình Khiêm, trước Sở Thú, dời trụ sở nhiều lần, và sau cùng dọn về đường Gia Long, với sưu tập gồm khoảng 15.000 quyển sách về sử ký, địa lý, địa phương chí, xã hội học, với nhiều cổ thư Hán Nôm, và một số tạp chí và vi phim (Đỗ Văn Anh, *Thư viện Viện Khảo Cổ, Thư Viện Tân San*, số 10, Đệ 4 TCN 1970, tr. 19-24); 2) Thư viện của Hội Nghiên Cứu Đông Dương (Société des Etudes Indochinoises), nằm trong Viện Bảo Tàng trong Sở Thú; và 3) Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ, tại số 37 đường Trương Minh Ký.

Về mặt thư viện đại học (academic libraries), mỗi trường đại học đều có thư viện. Riêng tại Sài Gòn, trong khối đại học công, tức là các phân khoa trực thuộc Viện Đại Học Sài Gòn, phần lớn các thư viện của các Phân Khoa Luật, Khoa Học, Văn Khoa và Sư Phạm đều bé nhỏ, cơ sở vật chất chật hẹp, và sưu tập không đáng kể. Chỉ riêng có Học Viện Quốc Gia Hành Chánh là có thư viện tương đối có tầm vóc với cơ sở vật chất khang trang và sưu tập đáng kể vì trường đại học này có được hỗ trợ trực tiếp từ trường Đại Học Michigan State University, với một quản thủ thư viện được đào tạo tại Hoa Kỳ là Bà Tăng Thị Tị. Trong khối đại học tư thì thư viện của Viện Đại Học Vạn Hạnh là lớn nhất với cơ sở vật chất đồ sộ và sưu tập rất phong phú do tài trợ của Cơ Quan Văn Hóa Á Châu - Asia Foundation. Thư viện này cũng có một Giám đốc được đào tạo tại Hoa Kỳ là Sư Cô Thích Nữ Trí Hải. Ở các tỉnh thì phải kể đến thư viện của các viện đại học Huế, Đà Lạt và Cần Thơ, tuy nhiên các thư viện này cũng rất nghèo nàn.

Hệ thống thư viện học đường (school libraries) cũng rất yếu kém. Chỉ có một số trường trung học có thư viện; trường tiểu học thì hoàn toàn không có thư viện. Tại Sài Gòn, các trường trung học lớn như Pétrus Ký, Gia Long, Chu Văn An và Trưng Vương đều có thư viện nhưng các thư viện này phần lớn không có phòng đọc, gần như chỉ là kho sách chứa sách giáo khoa để phân phối cho các lớp vào đầu năm học và thu hồi lại cuối năm học; phòng tham khảo thì hoàn toàn không có. Chỉ có một trường hợp ngoại lệ duy nhất và đó là Trường Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức. Trường này do ngân sách ngoại viện của Hoa Kỳ tài trợ để xây dựng. Nó được xây cất để thử nghiệm chương trình giáo dục tổng hợp (học sinh vừa học văn hóa vừa học chuyên môn). Trường có một thư viện khá lớn, có phòng tham khảo, phòng đọc sách, và áp dụng kho sách mở (open shelves) để học sinh tự do chọn lựa sách, theo lối các thư viện của các trường trung học Hoa Kỳ. Đây cũng là thư viện học đường duy nhất tại VNCH mà quản thủ thư viện là một vị tốt nghiệp Cao Học về thư viện học (Master of Library Science—MLS) từ một trường đại học thư viện của Hoa Kỳ (đó là Giáo sư Nguyễn Ứng Long, tốt nghiệp MLS tại Đại Học Peabody ở tiểu bang Tennessee; về sau Giáo sư Long được bổ nhiệm vào chức vụ Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia của VNCH vào năm 1970).

Tuyệt đại đa số những người làm công tác thư viện trong giai đoạn này, kể cả các vị

quản thủ thư viện, đều không được đào tạo về chuyên môn. Những trường hợp như Giáo sư Nguyễn Ứng Long và bà Tăng Thị Tị là những ngoại lệ rất hiếm hoi.

Trong hoàn cảnh khó khăn như đã nói trên, kỳ lạ và may mắn thay, về phương diện tài liệu chuyên môn, giai đoạn này lại sản sinh được mấy quyển sách có giá trị và được những người làm công tác thư viện và văn khố sử dụng nó trong một thời gian khá dài do ở sự cố gắng của một vài hội viên có tâm huyết. Đó là quyển ***Cataloging and Classification of Books = Phương Pháp Tổng Kê và Phân Loại Sách***, do ông Richard K. Gardner, Cựu Cố Vấn Thư Viện, Phái Đoàn Cố Vấn của Đại Học Michigan tại Việt Nam biên soạn, và bà Nguyễn Thị Cút, Phụ Tá Thư Viện, Sở Thông Tin Hoa Kỳ tại Sài Gòn phiên dịch; và quyển ***Lưu Trữ Hồ Sơ*** của ông Nguyễn Hùng Cường. Quyển sách thứ nhất được Cơ Quan Văn Hóa Á Châu (Asia Foundation) tài trợ trong việc xuất bản; nó được ấn hành hai lần, lần đầu vào năm 1959 và lần thứ nhì vào năm 1966. Ở ấn bản lần thứ nhất, quyển sách này là song ngữ (Anh-Việt) với một Phụ Lục gần 300 trang là bảng phân loại thập phân Dewey trình bày bằng ba ngôn ngữ: Anh-Pháp-Việt. Ở ấn bản lần thứ nhì, quyển sách trở thành đơn ngữ (Việt); phần Phụ Lục vẫn là bảng phân loại thập phân Dewey nhưng chỉ là song ngữ thôi (Anh-Việt).

## **2. Giai Đoạn 1967-1973**

Đặc điểm của giai đoạn này là sự phát triển bắt đầu có kế hoạch. Lý do: sự ra đời của Cơ Quan Phát Triển Thư Viện--CQPTTV (Library Development Activity), một bộ phận của Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế của Hoa Kỳ (USAID = United States Agency for International Development). Vị Cố vấn đứng đầu CQPTTV là ông John Lee Hafenrichter (mà chúng tôi thường gọi tắt là ông Haf). Giúp đỡ cho ông Haf trong cơ quan này có 2 người Việt Nam là bà Lưu Chiêu Hà và ông Nguyễn Tinh Thuật, về sau có thêm cô Lê Thu Nguyệt tốt nghiệp về thư viện ở Úc về.

CQPTTV có một chương trình hoạt động với những mục tiêu cụ thể trên ba lãnh vực : 1) Về cơ sở vật chất, thực hiện một hệ thống thư viện cho VNCH gồm đầy đủ các khối thư viện công cộng, học đường, đại học và chuyên ngành theo một mô hình kim tự tháp với Thư Viện Quốc Gia ở trên đỉnh; 2) Về nhân sự, đào tạo một đội ngũ nhân viên chuyên môn về công tác thư viện gồm 2 luồng: nhân viên sơ cấp và trung cấp đào tạo ngay tại trong nước, và nhân viên cao cấp đào tạo tại Hoa Kỳ; và 3) Về mặt chuẩn hóa, phiên dịch và ấn hành các tài liệu chuyên môn về thư viện, phổ biến các tài liệu này cho toàn bộ hệ thống thư viện, tiến đến thống nhất về danh từ chuyên môn, quy tắc biên mục và hệ thống phân loại. Ông Hafenrichter đã thuyết trình tại Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên vào năm 1968 về mục tiêu phát triển thư viện cho Việt Nam. Năm 1969, nhân dịp khai mạc Tuần Lễ Văn Hóa tại Vĩnh Long, ông Hafenrichter cũng đã đến dự và phát biểu về ảnh hưởng của thư viện học đường đối với các bộ môn được giảng dạy tại trường, xác định vai trò của thư viện trường trung học trong việc hỗ trợ chương trình học và cải tiến phương pháp giảng dạy.

### **2.1. Hệ Thống Thư Viện**

Trong lãnh vực hệ thống, ưu tiên phát triển được dành cho thư viện học đường. Lý do của quyết định này là sự phát triển vượt bậc của giáo dục tại Miền Nam trong giai đoạn này mặc dù cuộc chiến đang diễn ra ngày càng ác liệt. Trong khoảng thời gian 10 năm (từ niên học 1957-58 đến niên học 1966-67), tổng số học sinh (mẫu giáo, tiểu học và trung học) đã tăng từ 1.011.355 lên đến 2.264.479, tức là trên 100%. Tổng số trường trung học (gồm cả đệ nhất cấp và đệ nhị cấp) đã tăng lên từ 363 (niên học 1958-59) đến 644 (niên học 1966-67); trong số này, riêng số trường đệ nhị cấp đã tăng từ 78 lên đến 267 (*Niên Giám Thống Kê* của VNCH). Thời gian này Bộ Giáo Dục cũng đã quyết định mở rộng việc áp dụng chương trình trung học tổng hợp cho toàn quốc. Một số trường trung học phổ thông đã có sẵn tại các tỉnh được lựa chọn để cải biến thành trường trung học tổng hợp. Một phái đoàn gồm các vị hiệu trưởng của các trường này được cử đi Hoa Kỳ vào trung tuần tháng 4 năm 1967 để quan sát và học hỏi kinh nghiệm

của các trường trung học tổng hợp của Hoa Kỳ. Về sau, một số trường mới được xây cất để làm trường trung học tổng hợp, thí dụ như hai trường Nguyễn An Ninh (cho nam sinh) và Sương Nguyệt Anh (cho nữ sinh) tại Sài Gòn, và trường Chương Bình Lễ ở Long Xuyên, v.v... (xin xem chi tiết ở bài viết sau đây: Nguyễn Trung Quân. *Đôi điều ghi nhớ về trường trung học tổng hợp ở Miền Nam Việt Nam. Giáo dục ở Miền Nam Tự Do trước 1975*. Santa Ana, Calif. : Lê Văn Duyệt Foundation, 2006, tr. 189-198). Dĩ nhiên tất cả các trường trung học tổng hợp này đều có thư viện với trang thiết bị khá đầy đủ. Các trường trung học phổ thông cũng được Nha Trung Học khuyến khích cố gắng dành phòng ốc để làm thư viện. Đến khoảng đầu thập niên 1970, một số rất lớn các trường trung học (phổ thông và tổng hợp) trên toàn quốc đã có thư viện; theo ước tính có khoảng trên dưới 100 thư viện học đường. Đây là một bước phát triển rất đáng kể. Sau đây là một vài số liệu về vấn đề phát triển thư viện của các trường trung học tại Miền Nam:

Về đào tạo nhân viên sơ cấp, trong thời gian 1968-1971, CQPTTV đã phối hợp với Nha Trung Học và tổ chức được tất cả 12 khóa huấn luyện sơ cấp với tổng số giáo sư trung học được huấn luyện như sau:

Năm 1968:	4
Năm 1969:	22
Năm 1970:	28
Năm 1971:	20
Tổng cộng:	74

Sau khi CQPTTV giải thể, Nha Trung Học cũng đã tổ chức được 2 khóa huấn luyện sơ cấp vào Hè 1973 (38 học viên) và Hè 1974 (40 học viên), nâng tổng số giáo sư trung học được huấn luyện lên đến 152 (74 + 38 + 40 = 152).

Về đào tạo nhân viên trung cấp, Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn đã tổ chức được hai khóa huấn luyện trong hai niên học 1972-1973 và 1973-1974, mỗi khóa có 26 học viên, tất cả đều là giáo sư trung học đệ nhị cấp.

Ngoài ra còn có 11 giáo chức thuộc các trường trung học và sư phạm được Bộ Giáo Dục cử đi Úc tu nghiệp một năm về ngành thư viện vào Hè 1972.

Về mặt phát triển sưu tập cho các thư viện của các trường trung học, ngoài các ngân khoản của chính quyền địa phương, các thư viện trung học còn được Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế của Hoa Kỳ (USAID) tài trợ để mua sắm sách báo, học liệu với ngân khoản được phân phối như sau:

<u>Năm</u>	<u>Sách Việt</u>	<u>Sách Anh</u>
1967	350.000 đồng VN	28.000 USD
1968	500.000 -	12.000 -
1969	3.000.000 -	12.000 -
1970	2.300.000 -	11.000 -
1971	5.000.000 -	20.000 -
1972	6.000.000 -	25.000 -
1973	7.000.000 -	25.000 -
1974	7.000.000 -	30.000 -
Tổng cộng	31.150.000 -	163.000 -

(Lê Ngọc Oánh. *Tiến trình phát triển thư viện học đường Việt Nam hiện tại*, Thư Viện Tập San, số 21, Đệ 2 TCN 1974, tr. 38-50).

Theo đánh giá của ông Lê Ngọc Oánh, chuyên viên thư viện của Nha Trung Học, người trực tiếp phụ trách chương trình phát triển thư viện học đường của Nha, chịu trách nhiệm thực hiện tất cả các khâu công tác gồm lập kế hoạch, dự trù ngân sách, trang thiết bị, thanh tra, các trường trung học sau đây đã thiết lập được thư viện rất tốt: Trường Nữ Trung Học Gia Long (ở Sài Gòn) với quản thủ thư viện là Cô Lê Khắc Ngọc Mai; Trường Trung Học Vũng Tàu với quản

thủ thư viện là ông Nguyễn Duy Hy; và Trường Trung Học Nguyễn Trung Trực (ở Rạch Giá) với quản thủ thư viện là ông Nguyễn Nhật Quang.

Trong giai đoạn này, không những giáo dục trung học phát triển mạnh liệt như vừa trình bày, mà giáo dục đại học cũng phát triển không kém. Tổng số sinh viên đại học tăng từ 4.364 (niên học 1957-58) lên đến 32.393 (niên học 1966-67), tức là gần 800% (*Niên Giám Thống Kế VNCH*). Về trường công, ngoài hai viện đại học Sài Gòn và Huế, chính phủ cho thành lập thêm một viện đại học mới cho Miền Tây tại Cần Thơ vào năm 1966. Về trường tư, sau viện đại học Đà Lạt được thành lập từ năm 1958, là các viện đại học Vạn Hạnh (1964), Minh Đức, Cao Đài (Tây Ninh) và Hòa Hảo (An Giang). Kể từ năm 1972 chính phủ còn cho thành lập một loạt các đại học cộng đồng (community colleges), cụ thể là Đ.H Tiền Giang (ở Mỹ Tho), Đ.H. Duyên Hải (ở Nha Trang) và Đ.H. Quảng Đà (ở Đà Nẵng). (Xin đọc thêm chi tiết ở các bài viết sau đây: 1) Đỗ Bá Khê. *Phát triển đại học Miền Nam trước 1975. Giáo dục ở Miền Nam Tự Do trước 1975*. Santa Ana, Calif. : Lê Văn Duyệt Foundation, 2006, tr. 152-166. 2) Huỳnh Văn Thế. *Giáo dục đại học thời Việt Nam Cộng Hòa. Giáo dục ở Miền Nam Tự Do trước 1975*. Santa Ana, Calif. : Lê Văn Duyệt Foundation, 2006, tr. 167-174). Tất cả các cơ sở giáo dục đại học này đều có thư viện; tuy nhiên, như đã trình bày bên trên, phần lớn các thư viện này (trừ Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và Đại Học Vạn Hạnh) vẫn còn yếu kém về cơ sở vật chất và sưu tập. Trong giai đoạn này, phải kể đến sự phát triển vượt bậc của riêng Thư viện Đại Học Y Khoa Sài Gòn. Với sự tài trợ của Hội Y Khoa Hoa Kỳ (American Medical Association - AMA), Thư viện này đã liên tiếp được điều hành bởi một loạt các quản thủ thư viện người Mỹ sau đây: bà Eleanor Johnson (tháng 8/1967 - tháng 6/1969), ông John I. Patton, Jr. (tháng 6/1969 - tháng 6/1972), và ông Thomas Cassidy (tháng 9/1972 - tháng 7/1974). Trong khoảng thời gian giữa tháng 6 và tháng 9 năm 1972, Bác sĩ Nguyễn Đức Nguyên, trong ban giảng huấn, trước đó có một thời gian làm Tổng Thư Ký và kế đó là Phụ Tá Đặc Biệt của Khoa Trưởng trường Đại Học Y Khoa, được bổ nhiệm làm Giám Đốc Thư Viện Y Khoa. Dưới quyền lãnh đạo của Bác sĩ Nguyên, Thư viện Y Khoa đã có những phát triển rất tốt đẹp. Tháng 7/1973 Thư viện Y Khoa có thêm một quản thủ thư viện mới người Việt là cô Nguyễn Thị Nga, tốt nghiệp trường thư viện của Đại Học North Carolina-Chapel Hill. Cô Nga đã cùng với ông Thomas Cassidy thiết lập các tiêu chuẩn biên mục cũng như lưu hành cho Thư viện này. Đến đầu năm 1974, Thư viện Y khoa đã có một sưu tập gồm 16.355 nhan đề sách và trên 300 nhan đề tạp chí. (Xin xem chi tiết ở tài liệu sau đây: Ruhe, C.H. William. *Saigon Medical School : an experiment in international medical education : an account of the American Medical Association's medical education project in South Vietnam, 1966-1975* | C.H. William Ruhe, Norman W. Hoover, and Ira Singer. Chicago : American Medical Association, 1988. Section VIII, tr. 61-65).

Về thư viện công cộng, Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia đã có kế hoạch xây dựng cơ sở mới cho Thư Viện Quốc Gia. Tòa nhà mới của **Thư Viện Quốc Gia, tọa lạc tại số 69 đường Gia Long**, được khởi công xây cất vào ngày 28-12-1968 trong một buổi lễ trọng thể đặt dưới quyền chủ tọa của Thủ Tướng Trần Văn Hương (Nguyễn Văn Thu, *Lễ đặt viên đá đầu tiên xây cất Thư Viện Quốc Gia, Thư Viện Tập San*, số 3, Đệ I TCN 1969, tr. 33-36). Cơ sở mới này của Thư Viện Quốc Gia, với kho sách cao 14 tầng có khả năng chứa đến 1 triệu quyển sách, với Phòng Đọc Sách, Phòng Tham Khảo rộng rãi, kang trang và đúng tiêu chuẩn quốc tế, đã được long trọng khánh thành vào ngày 23-12-1971 dưới sự chủ tọa của Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu (*Khánh thành Thư Viện Quốc Gia, Thư Viện Tập San*, số 16-17, TCN 2-3/ 1972, Phần tin tức, tr. 66). Trong thời gian Thư Viện Quốc Gia mới được xây cất, Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia đã tổ chức một khóa huấn luyện cho nhân viên thư viện của Nha và của các Bộ khác vào đầu năm 1971. Ngoài ra, với sự phối hợp và tán trợ của CQPTTV, Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia cũng đã soạn thảo kế hoạch huấn luyện dài hạn 10 năm theo đó sẽ đào tạo tại Hoa Kỳ 10-12 Cao Học (MLS) và 1-2 Tiến sĩ (Ph.D.) về thư viện học. Nhân viên Thư Viện Quốc Gia đầu tiên được gửi đi Mỹ học Cao Học (MLS) là cô Trần Thị Thuần. (Những thông tin này do chính Ông Nguyễn Ứng Long cung cấp cho người viết trong một điện thư gửi từ Paris, Pháp, vào ngày 6-1-2007). Đồng thời Nha cũng đã có kế hoạch giải thể Tổng Thư Viện ở khu trường

Pétrus Ký và sáp nhập sưu tập của Tổng Thư Viện vào sưu tập của Thư Viện Quốc Gia mới đang cất. Sự phát triển hệ thống thư viện công cộng đang có triển vọng tốt đẹp như thế đã bị chệch yếu vì Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia bị tách làm đôi vào năm 1972 thành hai nha riêng biệt: Nha Thư Viện Quốc Gia và Nha Văn Khố Quốc Gia; ông Nguyễn Ứng Long chỉ còn giữ chức vụ Giám Đốc Nha Văn Khố Quốc Gia; ông Phan Văn Hữu, đang phục vụ tại Thư viện Đại Học Cần Thơ được bổ nhiệm vào chức vụ Giám Đốc Thư Viện Quốc Gia. Việc phát triển hệ thống thư viện công cộng mất đi một quản thủ thư viện có tầm vóc và hoàn toàn bị ngưng trệ cho đến ngày 30-4-1975.

Về thư viện chuyên ngành thì Thư Viện của Viện Khảo Cổ được dời từ cơ sở cũ ở khu vực Sở Thú về đường Gia Long, quản thủ thư viện vẫn là Ông Đỗ Văn Anh, một quản thủ kỳ cựu rất được kính nể trong giới nghiên cứu Việt học tại Sài Gòn. Một sự kiện nữa cũng đáng lưu ý trong lãnh vực thư viện chuyên ngành là sự xuất hiện của một số thư viện quân sự do nhu cầu của chiến tranh trong giai đoạn này. Hai thư viện quân sự có tầm vóc về cả cơ sở vật chất và sưu tập là Thư viện của Trường Võ Bị Quốc Gia ở Đà Lạt và Trường Cao Đẳng Quốc Phòng ở Sài Gòn. Thư Viện Trưởng của Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt là ông Phan Đình Công cùng tốt nghiệp Cao Học TVH (MLS) tại Đại Học Syracuse, N.Y., với người viết. Thư Viện Trưởng của Trường Cao Đẳng Quốc Phòng là ông Hoàng Ngọc Hữu, về sau là Ủy Viên Thư Viện Chuyên Môn của Ban Chấp Hành HTVVN nhiệm kỳ 1975.

## 2.2. Huấn Luyện Nhân Sự

### 2.2.1. Nhân Viên Sơ Cấp

CQPTTV đã tổ chức rất nhiều khóa huấn luyện sơ cấp, căn bản thư viện tại cơ sở của cơ quan ở đầu Đại lộ Thống Nhất, ngay trước cửa Sở Thú. Học viên phần lớn là các giáo chức của các trường trung tiểu học đã được chỉ định phụ trách thư viện của các trường này. Bản thân người viết bài này cũng đã từng tham gia một trong các khóa huấn luyện này. Mỗi năm CQPTTV tổ chức 4 khóa huấn luyện, mỗi khóa kéo dài 3 tuần lễ, giảng viên chính là ông Cố Văn John Hafenrichter với bà Lưu Chiêu Hà phụ trách phiên dịch. (John Hafenrichter, Lưu Chiêu Hà chuyển dịch, *Nhận xét về Cơ Quan Phát Triển Thư Viện USAID và về việc mở mang thư viện tại Việt Nam*, *Thư Viện Tập San*, số 5-6, TCN 3-4 (1969), tr. 28-30). Số học viên của mỗi khóa chỉ vào khoảng trên dưới 10 người. (Lưu Chiêu Hà, *Khóa huấn luyện tu nghiệp về thư viện tại Cơ Quan Phát Triển Thư Viện*, *Thư Viện Tập San*, số 3, Đệ I TCN 1969, tr. 46-47). Sau khóa huấn luyện mỗi học viên đều được phát cho một cuốn **Phương Pháp Tổng Kê và Phân Loại Sách** để mang về sử dụng trong thư viện của mình. Một số học viên xuất sắc, có nhiệm sở tại Sài Gòn và có trình độ khá về Anh ngữ, được ông Haf mời tham gia vào các công tác dịch thuật các tài liệu thư viện từ Anh ngữ sang Việt ngữ. Nhờ chương trình huấn luyện này, được thực hiện liên tục trong thời gian 5 năm, đến đầu năm 1973, phần lớn các quản thủ thư viện học đường đều đã có được kiến thức căn bản về thư viện học. Sau khi Hiệp Định Paris được ký kết vào cuối tháng Giêng năm 1973, CQPTTV được lệnh chuẩn bị giải thể. Công tác huấn luyện này được chuyển sang cho Nha Trung Học lúc đó đã có 2 chuyên viên về thư viện được huấn luyện ở ngoại quốc, đó là các ông Lê Ngọc Oánh tốt nghiệp ở Hoa Kỳ, và Đoàn Huy Oánh tốt nghiệp ở Úc. Nha Trung Học đã tổ chức tại Sài Gòn nhiều khóa huấn luyện dựa trên chương trình mẫu của CQPTTV. Ở các tỉnh thì Nha phối hợp với các Khu Học Chánh (thành lập từ tháng 10-1972 do cải tổ Hành Chánh Công Vụ — xem chi tiết ở bài viết sau đây: Đào Khánh Thọ. *Khu Học Chánh Vùng IV. Giáo dục ở Miền Nam Tự Do trước 1975*. Santa Ana, Calif. : Lê Văn Duyệt Foundation, 2006, tr. 225-227) để tổ chức các khóa huấn luyện này. Bản thân người viết, sau khi tốt nghiệp Cao Học (MLS) ở Đại Học Syracuse, New York, Hoa Kỳ về nước vào cuối tháng 5-1973, đã tham gia giảng dạy tại một số các khóa huấn luyện này ở Sài Gòn và Vĩnh Long.

### 2.2.2. Nhân Viên Trung Cấp

Với số nhân viên sơ cấp đã được huấn luyện khá nhiều cho các thư viện học đường (phần lớn là thư viện các trường trung học, kể cả phổ thông và tổng hợp) tốt nghiệp từ các khóa huấn luyện của CQPTTV và của Nha Trung Học, trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, với sự đồng ý của Bộ Giáo Dục, đã tiến hành mở khóa huấn luyện trung cấp. Học viên hoàn toàn tình nguyện và phải hội đủ 3 điều kiện sau đây: 1) Đã tốt nghiệp đại học sư phạm, tức là ở trong ngạch Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp; 2) Đã có ít nhất là 2 năm thâm niên công vụ; và 3) Đã tốt nghiệp một khóa huấn luyện sơ cấp do CQPTTV hay Nha Trung Học tổ chức. Mỗi khóa huấn luyện trung cấp này kéo dài một năm với 26 học viên; giảng viên là các vị đã tốt nghiệp Cao học (MLS) từ các đại học của Hoa Kỳ. Khi tốt nghiệp học viên sẽ đương nhiên được thăng một trật trong ngạch Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp. Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn đã tổ chức được 2 khóa huấn luyện trung cấp như thế. Bản thân người viết đã tham gia giảng dạy khóa thứ nhì (niên học 1973-74). Khi chương trình huấn luyện này được công bố thì số người gửi đơn về xin học rất đông nên Đại Học Sư Phạm phải xếp ưu tiên theo thứ tự thời gian thâm niên công vụ. Vì thế ở cả 2 khóa này các học viên đều có thời gian thâm niên công vụ đáng kể. Khi người viết tham gia giảng dạy khóa thứ nhì thì trong số học viên có 2 người là bạn học ra trường cùng Khóa 1963 (thâm niên công vụ đã được 10 năm) với người viết ở Đại Học Sư Phạm Sài Gòn là cô Đặng Thị Thảo và ông Cao Đình Vưu.

## 2.23. Nhân Viên Cao Cấp

CQPTTV cũng đã thiết lập và thực hiện một dự án đào tạo nhân viên thư viện cấp cao cho VNCH. Dự án này có mục tiêu đào tạo tất cả độ 30-40 nhân viên với bằng Master và độ 2-3 nhân viên với bằng Ph.D. về môn Thư viện học. Tất cả ứng viên đều phải đã tốt nghiệp đại học tại Việt Nam và phải có đủ trình độ Anh ngữ đòi hỏi của các trường đại học Hoa Kỳ (cụ thể là phải thi TOEFL được trên 550 điểm; TOEFL = Test of English as a Foreign Language). Tất cả đều được cơ quan USAID cấp học bổng để học trong 2 năm tại các trường thư viện của các viện đại học Hoa Kỳ. Trừ một số ít, các ứng viên, sau khi tốt nghiệp bằng Cao Học TVH (Master of Library Science (MLS)) đều đã về nước phục vụ. Sau đây là một số ứng viên mà người viết còn nhớ được:

Cô Đào Thúy, Đại Học Sư Phạm Sài Gòn  
Ông Đỗ Việt Cừu, Đại Học Cần Thơ  
Ông Lâm Vĩnh Thế, Trường Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức (sau chuyển về làm Thư Viện Trưởng trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn từ ngày 1-1-1975)  
Ông Lê Ngọc Oánh, Nha Trung Học  
Cô Mai Thị Nhung, Thư Viện Quốc Gia  
Cô Nguyễn Ngọc Sương, Đại Học Cần Thơ  
Cô Phạm Thị Lệ-Hương, Đại Học Vạn Hạnh  
Ông Phan Đình Công, Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt  
Ông Phan Hoàng Quý, Đại Học Huế  
Ông Phan Văn Hữu, Đại Học Cần Thơ (sau chuyển về Sài Gòn, làm Giám Đốc Thư Viện Quốc Gia)  
Ông Tôn Thất Viễn Bào, Đại Học Huế  
Ông Tống Văn Diệu, Thư Viện Quốc Gia  
Ông Trần Anh Liễn, Thư Viện Quốc Gia  
Ông Trần Chính Liễn, Đại Học Sư Phạm Sài Gòn  
Cô Trần Thị Thuần, Thư Viện Quốc Gia  
Ông Trần Văn Thông, Đại Học Cộng Đồng Quảng Đà

Theo dự án của CQPTTV, 2-3 người trong số các vị đã tốt nghiệp Cao Học (MLS), sau khi về nước phục vụ từ 2 tới 5 năm, sẽ được tuyển chọn để sang Hoa Kỳ học tiếp lên bậc Ph.D. Biến cố 30-4-1975 khiến cho dự kiến huấn luyện ở cấp tiến sĩ thư viện học này không bao giờ thành sự thật.

### 2.3. Soạn Thảo và Ấn Hành Tài Liệu Chuyên Môn

Với phương tiện dồi dào của mình, CQPTTV đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc chuẩn hoá công tác thư viện cho VNCH. Ông Cố Vấn Hafenrichter đã có công trong việc tập hợp được một số học viên đã tốt nghiệp các khoá huấn luyện sơ cấp của CQPTTV để thực hiện một số công tác phiên dịch, soạn thảo và ấn hành các tài liệu chuyên môn. Những người đã đóng góp nhiều nhứt trong các công tác này là các ông Hồ Văn Dũng, Nguyễn Văn Hường, Nguyễn Văn Thước, Nguyễn Nhật Quang và Nguyễn Ngọc Hoàng; các vị này lúc đó đều đang theo học khoá huấn luyện trung cấp đầu tiên của Đại Học Sư Phạm Sài Gòn. (người viết xin mở đầu ngoặc ở đây để có đôi giòng giới thiệu với độc giả các vị này: Ông Hồ Văn Dũng là quản thủ thư viện Trường Trung Học Kiến Phong; người viết mất liên lạc với ông Dũng sau ngày 30-4-1975; Ông Nguyễn Văn Hường là quản thủ thư viện của Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu ở Mỹ Tho, về sau chuyển về Sài Gòn làm Chuyên Viên cho Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục, và là Tổng Thư Ký của Hội Thư Viện Việt Nam trong hai nhiệm 1974 và 1975; ông Hường mới mất cách đây mấy năm tại quê nhà ở Mỹ Tho. Ông Nguyễn Văn Thước là bạn cùng lớp với người viết tại Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, Ban Sử Địa, khóa 1963; ông là quản thủ thư viện của Trường Trung Học Hùng Vương (tức trường Yersin cũ) ở Đà Lạt; ông Thước cũng mới mất cách đây mấy năm tại Hoa Kỳ. Ông Nguyễn Nhật Quang là quản thủ thư viện của Trường Trung Học Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá; người viết mất liên lạc với ông Quang sau ngày 30-4-1975. Ông Nguyễn Ngọc Hoàng tốt nghiệp thủ khoa Ban Sử Địa, Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, khóa 1969; ông Hoàng là người thay thế người viết làm quản thủ thư viện Trường Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức trong thời gian người viết đi du học tại Hoa Kỳ; về sau ông Hoàng là Ủy Viên Kế Hoạch của Ban Chấp Hành Hội Thư Viện Việt Nam trong 2 nhiệm kỳ 1974 và 1975; ông Hoàng hiện cư ngụ tại Totonto, tỉnh bang Ontario, Canada).

Các tài liệu do CQPTTV phiên dịch, soạn thảo và ấn hành gồm có:

**Danh từ thư viện và những danh từ chọn lọc trong các lãnh vực liên hệ** dịch từ cuốn ALA Glossary of Library Terms with a Selection of Terms in Related Fields / by Elizabeth Thompson. Chicago : American Library Association, 1943); in bằng Ditto, xuất bản tháng 4/1973, gồm 30 tr.

**Tự điển Thư Viện Học**, in Ditto, xuất bản tháng 9/1973, gồm 126 tr., có bảng dẫn (Index) Anh-Việt, tr. 99-126.

**Bộ Quy Tắc Tổng Kế Anh Mỹ** (biên mục), in Ditto, xuất bản 1973.

Cũng cần ghi nhận là trong giai đoạn này, HTVVN cũng đã bắt đầu hoạt động trở lại (xin xem thêm về hoạt động của HTVVN ở phần sau) và cũng đã có xuất bản được một số tài liệu chuyên môn quan trọng như sau:

*Phương Pháp Tổng Kế và Phân Loại Sách*, của Richard K. Gardner; Nguyễn Thị Cút dịch, ấn bản lần thứ hai, 1966

*Lưu Trữ Hồ Sơ*, của Nguyễn Hùng Cường, ấn bản lần thứ nhứt, 1965

*Niên Giám Thư Viện = Directory of Libraries*, 1970

*Niên Giám Thư Viện Tại Việt Nam = Directory of Libraries in Vietnam*, Nguyễn Thị Cút biên soạn, 1973

*Tiểu Dẫn về Tổ Chức và Hoạt Động Hội Thư Viện Việt Nam*, 1971

*Tổ Chức và Điều Hành Thư Viện*, Nguyễn Thị Cút và Lê Thị Lệ-Chi biên soạn, 1971

*Thư Viện Cho Mọi Người*, Nguyễn Thị Cút, Hồ Văn Quang và Nguyễn Ứng Long dịch từ nguyên tác *Libraries for All* của tác giả Martha T. Boaz, 1971

*Cách Tìm Sách Trong Thư Viện*

*Tiểu Đề Môn Loại*, 1973

*Thư Viện Tập San* cũng bắt đầu được xuất bản đều đặn trở lại từ ngày 1 tháng 6 năm 1968, và được gọi là Bộ Mới, mỗi tam cá nguyệt (3 tháng) một số.



### 3. Giai Đoạn 1974-1975

Đặc tính nổi bật của giai đoạn này là sự phát triển có kế hoạch của HTVVN đã tạo ra thể đứng quan trọng cho ngành thư viện trong sinh hoạt văn hóa của VNCH và đóng góp một phần rất quan trọng vào việc phát triển thư viện cho VNCH, đặc biệt là về mặt huấn luyện nhân sự và chuẩn hóa công tác chuyên môn.

#### 3.1. Hội Thư Viện Việt Nam

HTVVN được chính thức thành lập bởi Nghị Định số 709/BNV/K3 của Bộ Nội Vụ, Chính phủ VNCH, ngày 12-12-1958. Sau một năm hoạt động với một Ban Chấp Hành Lâm Thời, HTVVN họp Đại Hội Thường Niên lần đầu tiên vào ngày 12-12-1959 và đầu ra một Ban Chấp Hành Trung Ương gồm các vị sau đây:

Chủ Tịch: Ông Phan Vô Kỳ, Chánh Sự Vụ Sở Lưu Trữ Công Văn và Thư Viện Quốc Gia

Phó Chủ Tịch: Ông Nguyễn Gia Phương, Phó Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia

Tổng Thư Ký: Ông Hoàng Tuấn Anh, Quản Thủ Thư Viện, Bộ Thông Tin và Thanh Niên

Thủ Quỹ: Ông Nguyễn Công Tạo, Thư ký Hành chánh thượng hạng, Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia

Ủy Viên: Kế Hoạch: Cô Trần Thị Kim Sa, Quản Thủ Thư Viện, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh

Ủy Viên Xã Hội: Cô Nguyễn Thị Cút, Phó Giám Đốc Thư Viện Sở Thông Tin Hoa Kỳ, Sài Gòn

Ủy Viên Tổ Chức: Ông Huỳnh Ngọc Tám, Tham sự Hành chánh thượng hạng nhất, Tổng Thư Ký Trường Đại Học Khoa Học

Ủy Viên Tài Chánh: Ông Kiều Hữu Hoàn, Chủ sự Phòng Lưu Trữ Công Văn, Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia

(*Ban Chấp Hành Trung Ương Hội Thư Viện Việt Nam, Thư Viện Tập San, số Đặc Biệt 1960, tr. 45*)

Hội quy tụ được một số đồng nghiệp công tác trong ngành thư viện, phần lớn là công chức, được cơ quan chỉ định làm việc trong các thư viện của cơ quan và một số người bên ngoài ngành thư viện. Tờ báo **Thư Viện Tập San**, cơ quan ngôn luận chính thức của HTVVN, số Đặc Biệt năm 1960, cũng có đăng bảng danh sách hội viên gồm tất cả 82 người (trong đó 43 người làm việc trong ngành thư viện và 39 người ở bên ngoài ngành thư viện). Một số hội viên làm việc trong ngành thư viện đã có tham dự một trong hai "*lớp tu nghiệp công chức về lưu trữ công văn và quản trị thư viện*" dành cho nhân viên các Nha, Sở của các Bộ trong chính phủ do Bộ Quốc Gia Giáo Dục tổ chức (tổng số công chức tham gia hai lớp tu nghiệp này là 90 người, 57 người Khóa 1956 và 33 người Khóa 1957). Có thể nói đa số hội viên vẫn tiếp tục truyền thống sinh hoạt thư viện của thời Pháp thuộc: thư viện chỉ là một kho chứa sách hoàn toàn ở thể tĩnh; không có cung cấp hoạt động tham khảo; với kho sách đóng, độc giả điền phiếu yêu cầu và nhân viên thư viện vào kho lấy sách ra cho độc giả, độc giả không được tìm sách trên kệ; sách được xếp trên kệ không theo đề tài, môn loại, mà theo khổ sách; tủ phiếu thư mục phần lớn viết tay hay đánh máy, v.v. Mỗi năm HTVVN họp Đại Hội Thường Niên một lần vào tháng 12 dương lịch để bầu lại Ban Chấp Hành Trung Ương. Hoạt động chuyên môn của HTVVN rất giới hạn.

Trong thời gian 1960-1963, tức là những năm cuối cùng của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, do tình hình khó khăn về chính trị của VNCH, HTVVN không có hoạt động gì đáng kể. Sau cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, HTVVN còn gặp nhiều khó khăn hơn về nhân sự vì một số hội viên nghỉ hưu và HTVVN phải tạm ngưng hoạt động cho đến năm 1968.

Hội Thư Viện Việt Nam trở lại hoạt động bình thường từ năm 1968 với các vị sau đây là Chủ Tịch Ban Chấp Hành Trung Ương: Cô Đặng Phương Nghi (người Việt Nam thứ nhì tốt nghiệp trường Ecole des Chartes của Pháp; Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia 1968-1970 - Người Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp Trường Ecole des Chartes là ông Ngô Đình Nhu, bào đệ và Cố vấn Chính trị của Tổng Thống Ngô Đình Diệm); Ông Nguyễn Văn Toán, (tức là nhà văn và nhà nghiên cứu Toan Ánh nổi tiếng tại Miền Nam với các phẩm về phong tục tập quán và hội hè đình đám ở thôn quê Miền Bắc Việt Nam; về sau ông được HTVVN đề cử và được bầu vào Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục Nhiệm Kỳ I, 1970-1973), và Bà Nguyễn Thị Cút, (Giám Đốc Thư viện Abraham Lincoln thuộc Sở Thông Tin Hoa Kỳ tại Sài Gòn; dịch giả của cuốn sách nổi tiếng **Phương Pháp Tổng Kê và Phân Loại Sách**). (Nguyễn Hùng Cường, *Hội Thư Viện Việt Nam đã được 15 tuổi*, Thư Viện Tập San, số 19, số Đặc Biệt, 1970, tr. 1-4). Sau đây là danh sách các Ban Chấp Hành Trung Ương của HTVVN của các nhiệm kỳ 1968-69, 1970, và 1971:

Nhiệm kỳ 1968-1969: (*Biên bản Đại Hội Đồng Hội Thư Viện Việt Nam*, Thư Viện Tập San, số 1, TCN 1/1968, tr. 61-66)

Chủ Tịch: Cô Đặng Phương Nghi  
Phó Chủ Tịch: Ông Nguyễn Văn Toán  
Tổng Thư Ký: Bà Bùi Thị Mỹ Chân  
Chánh Thủ Quỹ: Cô Phan Mỹ Linh  
Ủy Viên Kế Hoạch: Ông Nguyễn Hùng Cường  
Ủy Viên Tổ Chức: Ông Nguyễn Ứng Long  
Ủy Viên Tài Chánh: Bà Nguyễn Thị Cút  
Ủy Viên Xã Hội: Cô Đào Thúy

Nhiệm kỳ 1970: (*Biên bản Đại Hội Đồng Thường Niên Hội Thư Viện Việt Nam*, Thư Viện Tập San, số 7, TCN 1/1970, tr. 55-59)

Chủ Tịch: Ông Nguyễn Văn Toán  
Phó Chủ Tịch: Bà Nguyễn Thị Cút  
Tổng Thư Ký: Ông Nguyễn Văn Thu  
Phụ Tá Tổng Thư Ký: Ông Đặng Ngọc Thiềm  
Chánh Thủ Quỹ: Cô Phan Mỹ Linh  
Phụ Tá Chánh Thủ Quỹ: Cô Lê Thị Lệ-Chi  
Ủy Viên Kế Hoạch: Ông Nguyễn Ứng Long  
Ủy Viên Tổ Chức: Ông Ngô Văn Cách  
Ủy Viên Tài Chánh: Bà Nguyễn Thị Thiều  
Ủy Viên Xã Hội: Ông Nguyễn Văn Vinh  
Ủy Viên Thư Viện Học Đường: Bà Lưu Chiêu Hà  
Cố Vấn: Ông Nguyễn Hùng Cường

Nhiệm kỳ 1971: (*Biên bản Đại Hội Đồng Thường Niên Hội Thư Viện Việt Nam*, Thư Viện Tập San, số 10, TCN 4/1970, tr. 39-43)

Chủ Tịch: Bà Nguyễn Thị Cút  
Phó Chủ Tịch: Ông Nguyễn Ứng Long  
Tổng Thư Ký: Ông Nguyễn Văn Thu  
Phụ Tá Tổng Thư Ký: Cô Nguyễn Thị Phương Nguyệt  
Thủ Quỹ: Cô Chu Chính Tâm  
Phụ Tá Thủ Quỹ: Cô Lê Thị Lệ Chi  
Ủy Viên Kế Hoạch: Bà Hoàng Thị Kim Loan  
Ủy Viên Tổ Chức: Ông Lâm Vĩnh Thế  
Ủy Viên Tài Chánh: Ông Nguyễn Văn Vinh  
Ủy Viên Xã Hội: Cô Lê Thu Nguyệt  
Ủy Viên Thư Viện Học Đường: Bà Lưu Chiêu Hà  
Cố Vấn: Ông Nguyễn Văn Toán

Bà Nguyễn Thị Cút được bầu vào chức vụ Chủ Tịch 3 nhiệm kỳ liên tiếp (1971-1973). Trong thời gian này, HTVVN có thành lập được một Chi Hội tại Huế, tỉnh Thừa Thiên (Chủ Tịch đầu tiên của Ban Chấp Hành Chi Hội vào năm 1970 là Ông Phan Hoàng Quý, từ năm 1973 là Ông Nguyễn Cửu Sà; Chi Hội Thừa Thiên đã có một số hoạt động đáng kể, xem chi tiết trong *Hoạt động của Chi Hội Thư Viện Thừa Thiên*, *Thư Viện Tập San*, số 8-9, TCN 2-3/1970, tr. 52-53), một số ủy ban chuyên môn và bắt đầu có sự tham gia của một số vị đã tốt nghiệp Cao Học TVH (MLS) từ Hoa Kỳ, như Bà Tăng Thị Tị, Ông Nguyễn Ứng Long, Bà Đào Thúy, Cô Phạm Thị Lệ-Hương, Ông Lê Ngọc Oánh, v.v. Đồng thời các học viên đã tốt nghiệp các khóa huấn luyện của CQPTTV cũng bắt đầu gia nhập HTVVN, tham gia hoạt động trong các ủy ban chuyên môn và đóng góp bài vở cho TVTS. Bản thân người viết, sau khi tốt nghiệp khóa huấn luyện của CQPTTV cũng gia nhập hội và bắt đầu đóng góp bài vở cho TVTS, phần lớn dựa vào kinh nghiệm làm việc tại thư viện Trường Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức; việc đóng góp bài vở cho TVTS được tiếp tục sau khi người viết tốt nghiệp MLS ở Hoa Kỳ về (Lâm Vĩnh Thế, *Thư viện trường Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức*, *Thư Viện Tập San*, số 10, Bộ mới, Đệ 4 TCN 1970, tr. 25-31; Lâm Vĩnh Thế, *Một đề nghị với các quản thủ thư viện học đường : tổng kê đơn giản hoá*, *Thư Viện Tập San*, số 19 Đặc biệt, Bộ mới, 1973, tr. 35-42; Lâm Vĩnh Thế, *Nguyên tắc thiết lập đề mục*, *Thư Viện Tập San*, số 19 Đặc biệt, Bộ mới, 1973, tr. 77-83).

Đầu năm 1974, tại Đại Hội Thường Niên của HTVVN, người viết được bầu vào chức vụ Chủ Tịch với Ban Chấp Hành có thành phần như sau:

Chủ tịch: Ông Lâm Vĩnh Thế  
Phó Chủ Tịch: Ông Trần Anh Liễn  
Tổng Thư Ký: Ông Nguyễn Văn Hường  
Chánh Thủ Quỹ Cô Phạm Thị Lệ-Hương  
Phụ Tá Chánh Thủ Quỹ: Bà Nguyễn Thị Khuê-Giung  
Ủy Viên Kế Hoạch: Ông Nguyễn Ngọc Hoàng  
Ủy Viên Tài Chánh: Ông Nguyễn Văn Vinh  
Ủy Viên Thư Viện Học Đường: Ông Lê Ngọc Oánh  
Ủy Viên Thư Viện Đại Học và Chuyên Môn: Cô Nguyễn Thị Nga  
Ủy Viên Thông Tin Liên Lạc: Ông Đoàn Huy Oánh  
Ủy Viên Xã Hội: Cô Đặng Thị Thảo  
Ủy Viên Tổ Chức: Cô Phạm Thị Chính  
Cố Vấn Đoàn gồm: Bà Nguyễn Thị Cút, Ông Nguyễn Hùng Cường, Ông Đỗ Văn Anh, và Ông Nguyễn Văn Thu  
(Xem *Thư Viện Tập San*, số 74, TCN 1, tr. 65)

Đây là lần đầu tiên từ ngày thành lập, HTVVN đã bầu vào các chức vụ Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch, và Thủ Quỹ của Ban Chấp Hành ba quản thủ thư viện chuyên nghiệp, tốt nghiệp bằng Cao học TVH (MLS) từ Hoa Kỳ. Một điều nữa cũng cần được nhấn mạnh: đây là lần đầu tiên HTVVN đã bầu một Ban Chấp Hành gồm đa số là những người trẻ (dưới 40 tuổi), tất cả đều đã được huấn luyện chuyên môn thư viện, với một Cố Vấn Đoàn gồm những vị cao niên và hoạt động lâu năm trong nghề. Ban Chấp Hành này đã không phụ lòng tin tưởng của hội viên, và, trên thực tế, đã làm được rất nhiều việc tích cực cho việc phát triển của chính HTVVN cũng như phát triển công tác chuyên môn thư viện tại VNCH.

## **3.2. Phát Triển Của Hội Thư Viện Việt Nam**

### **3.2.1. Trụ Sở Hội Thư Viện Việt Nam**

Tại phiên họp đầu tiên của Ban Chấp Hành HTVVN nhiệm kỳ 1974, một vấn đề quan trọng được đưa ra thảo luận là vấn đề trụ sở của Hội. Trước đó trong nhiều năm, trụ sở của Hội được đặt tại Hội Việt-Mỹ, số 55 đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Sài Gòn. Lý do là vì vị Chủ Tịch lúc

đó, Bà Nguyễn Thị Cút, là Thư Viện Trưởng của Thư Viện Abraham Lincoln, nằm trong khuôn viên của Hội Việt-Mỹ. Tân Ban Chấp Hành nhận thấy không nên tiếp tục duy trì trụ sở của Hội tại đây nữa. Vậy thì câu hỏi là bây giờ nên đặt trụ sở tại đâu ? Chị Phạm Thị Lệ-Hương, Chánh Thủ Quỹ, lúc đó đang phụ trách phần thể học của Thư Viện Đại Học Vạn Hạnh, đồng thời là Phụ Tá Khoa Trưởng của Phân Khoa Khoa Học Xã Hội, Đại Học Vạn Hạnh, đã đưa ra đề nghị là nên dời trụ sở về khuôn viên của Đại Học Vạn Hạnh. Chị cũng tình nguyện đóng vai trò đại diện cho Ban Chấp Hành để thương thảo với Đại Học Vạn Hạnh về việc này. Và Chị đã thành công. Thượng Tọa Thích Minh Châu, Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh đã hoan hỉ đồng ý cho phép Hội Thư Viện Việt Nam được đặt trụ sở tại Văn phòng của Phân Khoa Khoa Học Xã Hội. Từ đó cho đến ngày 30-4-1975, HTVVN chính thức có trụ sở nằm trong khuôn viên của Đại Học Vạn Hạnh, số 222 đường Trương Minh Giảng, Quận 3, Sài Gòn. Khi CQPTTV được giải thể, rất nhiều sách báo và tài liệu về thư viện học đã được ông Hafenrichter trao tặng cho HTVVN và được giữ tại Thư Viện của Viện Đại Học Vạn Hạnh và đã được sử dụng trong việc huấn luyện của HTVVN cũng như của Ban Cử Nhân Thư Viện Học của Đại Học Vạn Hạnh sau này.

### 3.22. Hoạt Động Nhiệm Kỳ 1974

Cũng trong phiên họp đầu tiên đó, Ban Chấp Hành đã thảo luận và đồng thanh chấp thuận một chương trình hoạt động với các trọng điểm như sau: 1) Xuất bản 4 số TVTS và Bản Tin hàng tháng; 2) Tổ chức hai Khóa Huấn Luyện Căn Bản Thư Viện Học dành cho hội viên; 3) Tổ chức một Đại Hội Hè để thảo luận một số vấn đề chuyên môn và nội bộ của Hội; 4) Chẩn chỉnh và kiện toàn tình trạng hội viên của Hội; và, 5) Ấn hành một số tài liệu chuyên môn. Để có đủ ngân khoản cho các hoạt động vừa kể, Ban Chấp Hành đã soạn thảo một Dự Án Hoạt Động chi tiết để nộp cho Cơ Quan Văn Hóa Á Châu (Asia Foundation) để xin tài trợ. Asia Foundation đã duyệt xét và chấp thuận tài trợ toàn bộ kinh phí cho Dự Án Hoạt Động này. Nhờ sự tài trợ này, Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 1974 đã thực hiện được trọn vẹn tất cả những hoạt động đã đề ra.

#### 3.221. Thư Viện Tập San Và Bản Tin Hàng Tháng

Bốn số TVTS, từ số 20 (Đệ I TCN 1974) đến số 23 (Đệ 4 TCN 1974), với bài vở thật phong phú, đã được xuất bản và gửi đến toàn thể hội viên khắp cả nước, từ Huế vào đến An Xuyên (Cà Mau). Sau đây là một số bài vở tiêu biểu:

- Lâm Vĩnh Thế, *Thư viện cổ tại Alexandrie*, số 20, tr. 3-12.
- Nhật Thịnh và Nguyễn Thị Khuê Giung, *Đại cương những tên hiệu Việt Nam xưa và nay*, số 20, tr. 23-34.
- Nguyễn Văn Hường, *Sử dụng học sinh phụ tá tại thư viện*, số 21, tr. 14-28.
- Lê Ngọc Oánh, *Tiến trình phát triển thư viện học đường Việt Nam hiện tại*, số 21, tr. 38-51.
- Nguyễn Xuân, *Văn khố Việt Nam thời Pháp thuộc, và những di sản văn hóa triều Nguyễn*, số 22, tr. 17-42.
- Lê Tấn Tài, *Cách tổ chức hồ sơ xếp đúng trong thư viện học đường*, số 22, tr. 43-52.
- Lê Bá Kông (Phạm Thị Lệ-Hương dịch), *Kỹ nghệ xuất bản sách tại Việt Nam Cộng Hòa*, số 23, tr. 17-32.
- Lâm Vĩnh Thế, *Chương trình C.I.P. là gì ?*, số 23, tr. 45-50.

Trong thời gian giữa các số TVTS, 7 số Bản Tin hàng tháng cũng đã được ấn hành và phân phối đến hội viên để thông báo đầy đủ cho hội viên về các dự án công tác (thí dụ như Đại Hội Hè 1974) cũng như những hoạt động cụ thể của Ban Chấp Hành về cả hai phương diện đối nội cũng như đối ngoại (thí dụ như tranh cử vào Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục) trong suốt nhiệm kỳ.

### 3.222. Huấn Luyện Căn Bản Thư Viện Học

Theo đúng như chương trình hoạt động đã đề ra, hai Khóa Huấn Luyện Căn Bản Thư Viện Học miễn phí dành cho hội viên đã được tổ chức trong năm 1974. Khóa thứ nhất đã khai giảng vào tháng 5/1974 (khai giảng ngày 7-5-1974 và bế giảng vào ngày 28-6-1974, với 31 học viên) và khóa thứ nhì vào tháng 9/1974 (khai giảng ngày 23-9-1974 và bế giảng vào ngày 13-11-1974, với 30 học viên). Mỗi khóa gồm 120 giờ học, được tổ chức tại trụ sở của Hội; phòng học là Thư viện của Đại Học Vạn Hạnh. Ban giảng huấn là các thành viên của Ban Chấp Hành và Cố Vấn Đoàn. Chương trình học gồm các bộ môn như sau: Lịch Sử Thư Viện; Tổ Chức và Điều Hành Thư Viện; Tổng Kê (biên mục) và Phân Loại; Công Tác Tham Khảo. Trong lúc học tập, học viên cũng được đưa đi thăm các thư viện trong Đô thành Saigon. Các lễ khai giảng và bế giảng đều được tổ chức trọng thể tại Giảng Đường 19 của Đại Học Vạn Hạnh và đặt dưới sự đồng chủ tọa của vị Thứ Trưởng Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên và Thượng Tọa Thích Mãn Giác, Phụ Tá Viện Trưởng, Viện Đại Học Vạn Hạnh. Tại lễ bế giảng các học viên đều được cấp chứng chỉ tốt nghiệp của Hội. Sau lễ bế giảng là một tiệc trà thân mật tại Câu Lạc Bộ của Viện Đại Học Vạn Hạnh. Trong các dịp này, thiệp mời được gửi đến cho tất cả các cơ quan văn hóa công và tư tại thủ đô; nhờ vậy vị trí của HTVNVN trong sinh hoạt văn hóa của VNCH đã được nâng cao rất nhiều.

### 3.223. Đại Hội Hè 1974

Đây là lần đầu tiên từ ngày thành lập, HTVNVN triệu tập một đại hội bất thường mệnh danh là Đại Hội Hè 1974, vào các ngày 9, 10 và 11-8-1974, để thảo luận một số vấn đề về nội bộ và chuyên môn. Đại Hội này đã được Ban Chấp Hành chuẩn bị rất kỹ lưỡng. Bốn Ủy Ban Đặc Biệt đã được thành lập và giao cho nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu cho Đại Hội như sau:

#### Ủy Ban Phân Loại:

Trưởng Ban: Ông Lâm Vĩnh Thế

Thư Ký: Ông Nguyễn Ngọc Hoàng

Ủy Viên: Cô Nguyễn Thị Phương Nguyệt, Ông Đỗ Văn Anh, và Ông Nguyễn Văn Vinh

#### Ủy Ban Tổng Kê [biên mục]:

Trưởng Ban: Cô Nguyễn Thị Nga

Ủy Viên: Cô Phạm Thị Lệ-Hương, Bà Bùi Tuyết Nhung, và Ông Hoàng Ngọc Hữu

#### Ủy Ban Tu Chính Điều Lệ và Nội Quy:

Chủ Tọa: Các ông Nguyễn Cửu Sà và Lâm Vĩnh Thế

Thư Ký Đoàn: Các ông Nguyễn Nhật Quang, Trần Thanh Sao, và Lê Văn Thu

Thuyết Trình Đoàn: Các ông Lê Ngọc Oánh, Nguyễn Hùng Cường, và Hoàng Ngọc Hữu

#### Ủy Ban Quy Chế Thư Viện Học Đường:

Chủ Tọa: Ông Lê Ngọc Oánh

Thư Ký Đoàn: các ông Nguyễn Nhật Quang và Nguyễn Văn Thước

Thuyết Trình Đoàn: Các cô Đặng Thị Thảo và Huỳnh Thị Oanh

Nhiệm vụ của các Ủy Ban đã được Ban Chấp Hành ấn định cụ thể như sau:

Ủy Ban Phân Loại: soạn thảo bảng số phân loại thập phân Dewey cho Lịch Sử, Địa Lý, và Văn Học Việt Nam

Ủy Ban Tổng Kê [biên mục]: giải quyết dứt khoát vấn đề làm Tiểu dẫn cho tên tác giả Việt Nam

Ủy Ban Tu Chính Điều Lệ và Nội Quy: tu chính Điều Lệ và Nội Quy của HTVVN cho thích hợp với hoàn cảnh và đà phát triển của ngành thư viện tại Việt Nam

Ủy Ban Quy Chế Thư Viện Học Đường: dự thảo một Quy Chế dành cho quản thủ thư viện học đường

Các Ủy Ban đã họp hàng tuần trong suốt hai tháng 4 và 5/1974. Đề nghị của các Ủy Ban sau đó đã được Ban Chấp Hành thảo luận trong các phiên họp ngày 29-6-1974 và 4-7-1974. Toàn bộ đề nghị của bốn Ủy Ban được in ra và gửi đến cho toàn thể hội viên nghiên cứu một tháng trước khi về tham dự Đại Hội. Ban Chấp Hành cũng liên hệ với Nha Tiểu Học và Nha Trung Học của Bộ Văn Hóa Giáo Dục để các quản thủ thư viện học đường (đều là giáo chức) được cấp Lộ Trình Thư, và riêng một số hội viên ở cách tỉnh xa được cấp cả vé phi cơ, để về dự Đại Hội. Trong thời gian 3 ngày dự Đại Hội, các hội viên đều được Hội cấp phụ cấp vắng phần. Đại Hội Hè 1974 đã thành công hết sức rực rỡ với sự tham dự của gần 300 hội viên (trước đây số hội viên về họp các Đại Hội Thường Niên để bầu lại Ban Chấp Hành không bao giờ vượt quá con số 100) và đạt được tất cả 4 mục tiêu đề ra, quan trọng nhất là **Quy Chế Thư Viện Học Đường**. (Xem chi tiết ở bài viết sau đây: Nguyễn Văn Hường và Hoàng Ngọc Hữu, *Thành quả Đại Hội Hè 1974 : biên bản đúc kết*, *Thư Viện Tập San*, số 22, TCN 3, 1974, tr. 60-68).

### 3.224. Chấn Chính Tình Trạng Hội Viên

Từ đầu nhiệm kỳ 1974, Ban Chấp Hành được biết tổng số hội viên là gần 400 trên toàn quốc. Trong số này, hội viên thực sự có sinh hoạt với Hội không lên quá 100. Số hội viên đã không đóng niên liễm (200 đồng một năm) lên tới trên 250 người, trong số này có người đã thiếu niên liễm 2-3 năm, thậm chí có người thiếu niên liễm đến 6-7 năm. Điều này có nghĩa là HTVVN đã thất thu một số niên liễm rất quan trọng. Trong khi họp để thảo luận về vấn đề này, Ban Chấp Hành đi đến kết luận là tình trạng hội viên không đóng niên liễm có hai nguyên nhân chính: 1) Về phía hội viên, vì trong quá khứ Hội đã không có đem lại quyền lợi gì thiết thực cho hội viên khiến cho một số đông hội viên nghĩ rằng chả có lý do gì họ phải đóng niên liễm cả; 2) Về phía Hội thì cũng có thiếu sót là không có theo dõi và truy thu niên liễm. Từ kết luận này, Cô Phạm Thị Lệ-Hương, Chánh Thủ Quỹ, đã đề ra một kế hoạch để truy thu và tận thu niên liễm. Các Bản Tin hàng tháng là phương tiện giúp thực hiện kế hoạch này. Một mặt trình bày cho hội viên thấy rõ những quyền lợi thiết thực mà họ đã và đang được hưởng từ khi Tân Ban Chấp Hành bắt đầu làm việc: 1) Hội viên đã được nhận miễn phí các số TVTS với bài vở phong phú giúp họ tích cực trong công tác cũng như những Bản Tin hàng tháng với đầy đủ tin cập nhật; 2) Hội viên đã được huấn luyện miễn phí về căn bản thư viện học (tổng số hội viên tốt nghiệp qua 2 khóa huấn luyện là 61 người); 3) Hội viên về tham dự Đại Hội Hè đã được hưởng Lộ Trình Thư và phụ cấp vắng phần. Mặt khác thì tha thiết kêu gọi tất cả hội viên phải đóng niên liễm để Hội có phương tiện tiếp tục phục vụ hội viên. Tất cả những hội viên còn thiếu niên liễm đều nhận được văn thư nhắc nhở và ghi rõ số niên liễm còn thiếu. Ngoài ra văn thư này cũng ghi rõ thời gian ân hạn, sau thời điểm đó nếu hội viên vẫn không chịu đóng niên liễm thì sẽ bị xóa tên trong danh sách hội viên. Tuyệt đại đa số hội viên đã hưởng ứng nồng nhiệt lời kêu gọi này và kết quả là HTVVN đã truy thu được trên 100.000 đồng tiền niên liễm đã bị thiếu. **Đến đầu năm 1975, tại Đại Hội Thường Niên ngày 12-1-1975, tổng số hội viên của HTVVN được ghi nhận là 436** (*Biên bản Đại Hội Đồng Thường Niên Hội Thư Viện Việt Nam ngày 12.01.75 bầu cử Ban Chấp Hành Nhiệm Kỳ 1975*, *Bản Tin Hội Thư Viện Việt Nam*, số 1/1975, ngày 1-2-1975, tr. 1-7).

### 3.225. Ấn Hành Tài Liệu Chuyên Môn

Về phương diện tài liệu chuyên môn, ngoài những giáo trình in ronéo đã sử dụng trong các khóa huấn luyện, HTVVN đã ấn hành quyển **Bảng Phân Loại Thập Phân Dewey** dựa trên ấn bản trong phần Phụ Đính của cuốn *Phương Pháp Tổng Kế và Phân Loại Sách* của Ông Richard K.

Gardner và Bà Nguyễn Thị Cút với nhiều sửa đổi và gia tăng các con số cho các mục Sử Địa và Văn Học Việt Nam đã được thông qua tại Ủy Ban Phân Loại của Đại Hội Hè 1974. Ngoài ra, HTVVN cũng đã thành lập một Ủy Ban Phiên Dịch để chuyển dịch sang Việt ngữ cuốn **Bảng Phân Loại Thập Phân Dewey**, ấn bản 10 Rút gọn (*Dewey Decimal Classification, 10<sup>th</sup> Abridged Edition*, của nhà xuất bản Forest Press). Dự án phiên dịch này đã nhận được sự tài trợ của Asia Foundation.

### 3.3. Hệ Quả Của Sự Phát Triển Hội Thư Viện Việt Nam

Thành quả rực rỡ của những hoạt động tích cực của HTVVN trong nhiệm kỳ 1974 không những đã tạo ra một thể đứng có tầm vóc cho HTVVN trong sinh hoạt văn hóa của VNCH mà còn mang lại một số hệ quả tốt đẹp mà chính Ban Chấp Hành HTVVN cũng hoàn toàn không tiên liệu được.

#### 3.3.1. Tài Trợ Của Bộ Văn Hóa Giáo Dục Và Thanh Niên

Do đề nghị của vị Thứ Trưởng Đặc Trách Văn Hóa, người đã chứng kiến tận mắt những hoạt động tích cực của HTVVN trong những lần chính ông đến chủ tọa các lễ khai giảng và bế giảng của các khóa huấn luyện do Hội tổ chức, Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên đã ban hành Nghị Định số 2496/VHGDTN/TC/TT/NĐ ngày 9-11-1974 trợ cấp một ngân khoản là 200.000 đồng cho **những hoạt động bất vụ lợi của Hội Thư Viện Việt Nam**.

#### 3.3.2. Đại Diện Hội Thư Viện Việt Nam Trong Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục

Hội Đồng Văn Hoá Giáo Dục (HĐVHGD) là một trong ba hội đồng (hai hội đồng kia là Hội Đồng Kinh Tế - Xã Hội và Hội Đồng Các Sắc Tộc) do Hiến Pháp VNCH năm 1967 quy định với nhiệm vụ tư vấn cho chính phủ VNCH và do chính Phó Tổng Thống VNCH làm Chủ Tịch. Theo Hiến Pháp 1967 quy định, HĐVHGD có tất cả 60 hội viên, 40 được các hội đoàn văn hóa giáo dục bầu ra và 20 do Tổng Thống VNCH chỉ định. Trong số 40 hội viên được bầu sẽ có 8 hội viên do các hội đoàn văn hóa tư bầu ra. Trong nhiệm kỳ I (1970-1973) của HĐVHGD, Ông Nguyễn Văn Toán là đại diện của HTVVN. Trong thời gian sinh hoạt với HĐVHGD, Ông Toán đã đệ trình Hội Đồng một dự án thành lập các tủ sách xã thôn cho VNCH. (Nguyễn Văn Toán, *Hoạt động của Hội Thư Viện tại Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục, Thư Viện Tập San*, số 19, Đặc Biệt, 1973, tr. 49-59). Đầu năm 1974 HĐVHGD chuẩn bị bầu cử cho nhiệm kỳ 2 (1974-1977). HTVVN là một trong 15 hội đoàn văn hóa tư hội đủ điều kiện để được tham gia vào cuộc bầu cử này. Ban Chấp Hành HTVVN đồng ý đề cử Ông Nguyễn Hùng Cường, một trong 4 vị trong Cố Vấn Đoàn, làm đại diện của Hội để tranh cử vào HĐVHGD. Ông Nguyễn Hùng Cường là người đã hoạt động trong ngành thư viện rất lâu năm; chính ông là người đã phụ trách việc di chuyển Thư Viện Đông Dương từ Hà Nội vào Sài Gòn năm 1954 và giữ chức vụ Quản Thủ của Tổng Thư Viện; sau đó ông được đề cử giữ chức Phó Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia và khi Nha này bị tách ra làm hai thì ông giữ chức Phó Giám Đốc Nha Văn Khố Quốc Gia; ông cũng chính là vị đại diện của VNCH tại Hội Nghị Quốc Tế về Nguyên Tắc Biên Mục tại Paris, Pháp vào năm 1961. Ban Chấp Hành đã thân hành đến nhà ông hai lần (lần đầu chỉ có 3 người là Chủ Tịch, Tổng Thư Ký và Thủ Quỹ; lần thứ nhì thì gồm toàn thể Ban Chấp Hành) để mời ông nhưng ông đều từ chối với lý do là ông đã nghỉ hưu và không đủ sức khoẻ. Vì thế trong buổi họp ngày 18-4-1974, Ban Chấp Hành quyết định đề cử người viết, với tư cách là Chủ Tịch HTVVN, làm đại diện của Hội để tranh cử vào HĐVHGD. Nhờ vị thế và tầm vóc của Hội trong sinh hoạt văn hóa tại thủ đô trong thời gian đó, người viết đã đắc cử với số phiếu cao nhất (13/15 phiếu). Tại phiên họp khoáng đại đầu tiên của HĐVHGD Nhiệm Kỳ 2, người viết được toàn thể hội viên bầu vào chức vụ Chủ Tịch Ủy Ban Văn Hóa Giáo Dục Đại Chúng, một trong 8 ủy ban của Hội Đồng. Người viết đã có chủ định, với tư cách Chủ Tịch Ủy Ban Văn Hóa Giáo Dục Đại Chúng, sẽ cố gắng soạn thảo một Dự Luật về Thư Viện Công Cộng cho VNCH, trình bày và cho thảo luận tại Ủy Ban trước khi đưa ra cho HĐVHGD phê chuẩn và chuyển sang hành pháp để yêu cầu hành pháp thực thi. Chủ định

này đã không thành vì biến cố 30-4-1975.

### 3.33. Ban Thư Viện Học Tại Đại Học Vạn Hạnh

Nhận thấy rõ khả năng chuyên môn cũng như tinh thần hoạt động bất vụ lợi của Ban Chấp Hành HTVVN, rất phù hợp với tôn chỉ của Viện Đại Học Vạn Hạnh, Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Phụ Tá Viện Trưởng Đặc Trách Học Vụ, đã yêu cầu Ban Chấp Hành HTVVN nghiên cứu và thuyết trình cho Hội Đồng Viện một dự án thiết lập Ban Thư Viện Học cho Viện Đại Học Vạn Hạnh. Ngày 30-4-1974, người viết đã đại diện Ban Chấp Hành HTVVN thuyết trình trước Hội Đồng Viện về dự án này và đã được Hội Đồng Viện đồng thanh chấp thuận. Ban Cử Nhân Thư Viện Học, trực thuộc Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn, Viện Đại Học Vạn Hạnh, với người viết được Viện chỉ định làm Trưởng Ban, được khai giảng vào đầu năm học 1974-75 với 70 sinh viên. Ban Thư Viện Học cũng bị chết yểu vì biến cố 30-4-1975. Người viết cũng đã có ghi lại câu chuyện này trong bài viết "*Cơ Duyên Của Tôi Với Đại Học Vạn Hạnh*"; độc giả có thể đọc toàn văn bài viết này tại địa chỉ Internet sau đây của Hội Ái Hữu Cựu Sinh Viên Đ.H. Vạn Hạnh: <http://aihuuvanhanh.net/indexk.htm>

### 3.34. Ban Chấp Hành Hội Thư Viện Việt Nam Tái Đắc Cử Nhiệm Kỳ 1975

Tại phiên họp khoáng đại thường niên ngày 12-1-1975 (Xem chi tiết ở tài liệu này: *Biên bản Đại Hội Đồng Thường Niên Hội Thư Viện Việt Nam ngày 12.01.75 bầu cử Ban Chấp Hành Nhiệm Kỳ 1975, Bản Tin Hội Thư Viện Việt Nam*, số 1/1975, ngày 1-2-1975, tr. 1-7), phần lớn các anh chị trong Ban Chấp Hành Nhiệm Kỳ 1974 đã được hội viên tín nhiệm và bầu lại vào Ban Chấp Hành Nhiệm Kỳ 1975 với thành phần như sau:

Chủ Tịch: Ông Lâm Vĩnh Thế  
Phó Chủ Tịch: Ông Lê Ngọc Oánh  
Tổng Thư Ký: Ông Nguyễn Văn Hường  
Phó Tổng Thư Ký: Ông Tống Văn Diệu  
Chánh Thủ Quỹ: Cô Phạm Thị Lệ Hương  
Phó Thủ Quỹ: Bà Nguyễn Thị Khuê Giung  
Ủy Viên Kế Hoạch: Ông Nguyễn Ngọc Hoàng  
Ủy Viên Tổ Chức: Đại Đức Thích Lệ Mạnh  
Ủy Viên Tài Chánh: Ông Nguyễn Văn Vinh  
Ủy Viên Xã Hội: Cô Đặng Thị Thảo  
Ủy Viên Thông Tin Liên Lạc: Cô Tôn Nữ Minh Ngọc  
Ủy Viên Thư Viện Học Đường: Bà Tăng Thị Hoa  
Ủy Viên Thư Viện Chuyên Môn: Ông Hoàng Ngọc Hữu  
Ủy Viên Thư Viện Đại Học: Cô Võ Thị Vân  
Ủy Viên Thư Viện Công Cộng: Cô Nguyễn Thị Nga

Ban Chấp Hành Nhiệm Kỳ 1975 này đã không làm tròn được nhiệm vụ vì biến cố 30-4-1975. Các khóa huấn luyện, mà khoá đầu tiên dự định sẽ tổ chức vào tháng 4-1975, cũng như Đại Hội Hè 1975, việc ấn hành *Bảng Liệt Kê Tiêu Đề Để Mục*, các số *TVTS*, *Bản Tin* hàng tháng, v.v., tất cả đều không thực hiện được. Ban Chấp Hành Nhiệm Kỳ 1975 chỉ ấn hành được một số *TVTS* duy nhất, đó là số 24, Bộ mới, Đệ I TCN 1975. Công tác thứ hai được hoàn thành (tồn lại từ nhiệm kỳ 1974) là việc phiên dịch *Bảng Phân Loại Thập Phân Dewey*, Ấn bản 10 Tóm Lược. Khi người viết mang 3 bản dịch (mỗi bản dịch gồm 3 tập giấy đánh máy trên 500 trang, tổng cộng là 9 tập) đến nộp cho Asia Foundation là cơ quan tài trợ cho dự án phiên dịch quan trọng này, theo đúng hợp đồng đã ký kết với họ, vào khoảng cuối tháng 4-1975, thì vị Đại Diện của Asia Foundation (Ông Julio Andrews) đã rời khỏi Sài Gòn theo lệnh của Toà Đại Sứ Hoa Kỳ vì tình hình chiến tranh Việt Nam đã sắp đi vào chung cuộc. Hoạt động sau cùng của HTVVN, mĩa mai thay, không dính líu gì đến việc phát triển thư viện cho Miền Nam, là đi cứu trợ các hội viên từ



Miền Trung đang tạm trú tại các trại tỵ nạn ở Sài Gòn. Ban Chấp Hành quyết định cho phép Chủ tịch và Thủ Quỹ rút từ quỹ của HTVVN ra một số tiền là 200.000 đồng để cứu trợ cho hội viên. Người viết và Cô Thủ Quỹ Phạm Thị Lệ-Hương đã đi đến tận các trại tỵ nạn này để trao cho các hội viên, mỗi người một phong bì đựng 5.000 đồng, gọi là tỏ chút tình tương thân tương trợ của Hội đối với hội viên.

## Kết Luận

Thay cho kết luận của bài viết này, người viết xin trích lại một đoạn văn đã viết cách đây hơn 30 năm. Trong *Lá Thư Chủ Nhiệm, Thư Viên Tập San*, số 24, Bộ mới, Đệ I TCN 1975, người viết, với tư cách Chủ tịch HTVVN và Chủ Nhiệm của Tập San, đã viết như sau: ***"Nhiệm kỳ 1975 đang trải dài trước mắt tôi với những khó khăn để tiên đoán. Sự suy thoái về kinh tế của năm 1974 dường như có vẻ trầm trọng thêm. Những khó khăn về quân sự, ngoại viện đã làm lu mờ đi tất cả mọi sinh hoạt khác của quốc gia. Chắc nhiều bạn cũng đang tự hỏi mình như tôi đang tự hỏi tôi rằng những gì chúng ta đang cố gắng thực hiện đây có còn mang một ý nghĩa nào nữa không? Tôi thật sự không thể đoán ra được câu tự trả lời của các bạn nhưng đây là câu tự trả lời của tôi. Tôi nghĩ rằng việc làm của chúng ta để đóng góp vào sự phát triển văn hóa nước nhà còn có ý nghĩa hơn bao giờ hết. Văn hoá là máu số chung của một dân tộc, một quốc gia. Văn hóa sẽ là chất liệu hàn gắn lại sự rạn nứt của một dân tộc vì những dị biệt nhất thời. Chúng ta đang phục vụ văn hóa là đầu tư cho tương lai của đất nước."*** Người viết thành thật nghĩ rằng những hội viên có năng lực và đầy nhiệt tình của HTVVN trước 1975, đã không phí phạm thì giờ và công sức cho những chuyện làm vô ích./.